

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|-------------|
| 1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc | [2] - [4] |
| 2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | [5] - [6] |
| 3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét | |
| - Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | [7] - [8] |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | [9] |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | [10-11] |
| - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc | [12] - [46] |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Ngày 10/08/2022, Công ty đã gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Mai Anh Tám | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Sơn | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên |
| - Ông Đỗ Trần Mai | Thành Viên |
| - Bà An Hà My | Thành Viên |

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên:</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|-------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Sơn | Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Quốc Quyền | Phó Tổng giám đốc |

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

| <u>Họ và tên :</u> | <u>Chức vụ:</u> |
|------------------------|----------------------|
| - Bà Bùi Thị Thanh Nam | Trưởng ban Kiểm soát |
| - Ông Hoàng Trung Kiên | Thành viên |
| - Bà Lê Thị Thoa | Thành viên |

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Công ty có công ty con như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam | Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội |
| Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam | Thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội |

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|---|
| Nhà máy Sơn miền Bắc | Số 59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội |
| Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á - Chi nhánh Đà Nẵng | KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng |

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 02/2019/HĐA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2021 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (*Một trăm mười lăm tỷ đồng./.*) lên 230.000.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi tỷ đồng./.*).

6. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

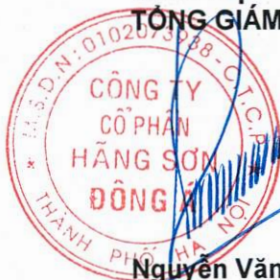
Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Sơn

Số: 79/2022/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam *thuan*



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 332.459.534.540 | 207.478.344.942 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 72.011.720.601 | 72.564.678.207 |
| 1. Tiền | 111 | 5.1 | 72.011.720.601 | 72.564.678.207 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.8 | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 139.890.938.433 | 72.321.671.180 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 58.544.287.736 | 59.817.866.614 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 35.042.356.267 | 4.558.607.706 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 136 | 5.4 | 51.493.734.368 | 13.134.636.798 |
| 4. Dự phòng phải thu khó đòi | 137 | 5.10 | (5.189.439.938) | (5.189.439.938) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 5.5 | 107.508.494.096 | 58.441.398.575 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 107.508.494.096 | 58.441.398.575 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 13.048.381.410 | 4.150.596.980 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.7 | 9.941.697.933 | 4.094.164.874 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.974.778.606 | 48.432.106 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.15 | 131.904.871 | 8.000.000 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 173.995.342.476 | 182.531.662.477 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 70.259.385.384 | 81.363.236.272 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.11 | 64.307.659.240 | 75.344.258.984 |
| - Nguyên giá | 222 | | 150.781.435.079 | 155.306.024.401 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (86.473.775.839) | (79.961.765.417) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.12 | 5.951.726.144 | 6.018.977.288 |
| - Nguyên giá | 228 | | 6.765.326.300 | 6.765.326.300 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (813.600.156) | (746.349.012) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 5.7 | - | - |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 78.378.907.041 | 76.032.440.031 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.6 | 78.378.907.041 | 76.032.440.031 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.9 | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 5.8 | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 22.957.050.051 | 22.735.986.174 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.7 | 3.728.209.897 | 2.225.223.343 |
| 2. Lợi thế thương mại | 269 | 5.9 | 19.228.840.154 | 20.510.762.831 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 506.454.877.016 | 390.010.007.419 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 178.745.939.381 | 166.238.161.642 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 164.531.304.734 | 145.831.425.559 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.13 | 56.509.302.285 | 42.585.713.960 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.14 | 4.143.737.426 | 2.888.320.978 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.15 | 3.187.503.411 | 9.320.803.694 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.631.913.969 | 2.601.184.956 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.16 | 515.000.000 | 694.475.822 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.17 | 21.351.195.114 | 15.198.240.866 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.18 | 75.613.947.491 | 70.963.980.245 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.578.705.038 | 1.578.705.038 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 14.214.634.647 | 20.406.736.083 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.17 | 720.430.120 | 720.430.120 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.18 | 12.229.236.579 | 19.100.761.435 |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | 1.264.967.948 | 585.544.528 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 5.19 | 327.708.937.635 | 223.771.845.777 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 327.708.937.635 | 223.771.845.777 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 230.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 230.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (275.454.545) | (68.454.545) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 78.806.276.308 | 67.182.439.634 |
| 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 421 | | 4.055.573.327 | 26.483.163.202 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 461.791.044 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 4.055.573.327 | 26.021.372.158 |
| 5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát | 429 | | 15.122.542.545 | 15.174.697.486 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 506.454.877.016 | 390.010.007.419 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a-DN/HN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|---|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1 | 151.475.853.477 | 188.491.099.072 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | 37.730.185.221 | 50.218.817.741 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 113.745.668.256 | 138.272.281.331 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 62.891.805.916 | 77.241.976.275 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 50.853.862.340 | 61.030.305.056 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 24.983.042 | 29.799.039 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 6.5 | 2.491.185.699 | 2.283.330.642 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.491.185.699 | 2.280.836.331 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết | | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 6.8 | 31.046.328.025 | 33.608.131.997 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.8 | 10.537.764.122 | 10.384.662.409 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6.803.567.536 | 14.783.979.047 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 6.6 | 399.645.000 | 25.941.476 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 6.7 | 264.837.800 | 271.446.773 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 134.807.200 | (245.505.297) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 6.938.374.736 | 14.538.473.750 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 6.10 | 1.717.359.663 | 2.762.081.746 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 6.11 | 679.423.420 | 586.990.809 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 4.541.591.653 | 11.189.401.195 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ | 61 | | 4.055.573.327 | 10.209.598.562 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát | 62 | | 486.018.326 | 979.802.633 |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.12 | 235 | 888 |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 6.12 | 235 | 888 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

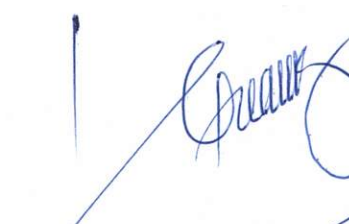
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Thái



Hoàng Văn Tuấn




Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 6.938.374.736 | 14.538.473.750 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 11.016.932.706 | 11.490.203.006 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 174.435.586 | (25.312.560) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 2.491.185.699 | 2.280.836.331 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 20.620.928.727 | 28.284.200.527 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (70.619.518.624) | (5.095.928.216) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (49.067.095.521) | (17.192.668.228) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 4.928.708.884 | (3.115.901.680) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (7.350.519.613) | (6.084.014.466) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (2.491.185.699) | (2.280.836.331) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (5.779.585.138) | (2.504.382.526) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (109.758.266.984) | (7.989.530.920) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (4.040.044.779) | (18.260.231.552) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 2.863.000.000 | 1.224.574.784 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (400.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 400.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 24.983.042 | 29.799.039 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.152.061.737) | (17.005.857.729) |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 115.000.000.000 | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 102.284.375.068 | 113.559.646.392 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (101.751.686.678) | (104.981.437.043) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | (2.754.246.000) | (1.225.518.000) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (2.421.071.275) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 110.357.371.115 | 7.352.691.349 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (552.957.606) | (17.642.697.300) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 72.564.678.207 | 39.539.403.671 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 72.011.720.601 | 21.896.706.371 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 28 tháng 04 năm 2021.

Ngày 10/08/2022, Công ty đã gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ đồng) lên 230.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỷ đồng) theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con:**Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 07 tháng 03 năm 2016 và thay đổi lần thứ 1 ngày 26/01/2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1101814871 thay đổi lần thứ 1 ngày 26/01/2018 là 55.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 25 tháng 01 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 thay đổi lần 2 ngày 25/01/2022 là 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn ./.). Trong kỳ, Công ty có tăng vốn lên 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn ./.). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vốn thực góp của Công ty là 95.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ đồng chẵn ./.) nên Công ty chưa làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở tại số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107685109 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 ngày 28/03/2018 là 5.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ đồng).

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam có tăng vốn nhưng do chưa góp đủ vốn nên Công ty chưa làm thủ tục thay đổi đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trụ sở tại thôn Du Ngoại, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

| Tên | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|---|-------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG | 81,82% | 81,82% |
| Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam | 94,74% | 90% |
| Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam | 90% | 90% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HH

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|--|
| Nhà máy Sơn miền Bắc | Số 59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội |
| Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á – Chi nhánh Đà Nẵng | KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng |

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của giữa niên độ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG (công ty con) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam (công ty con) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Kết quả kinh doanh hợp nhất được tổng hợp từ kết quả kinh doanh của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 và kết quả kinh doanh của các Công ty con - Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG, Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam và Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ giữa công ty mẹ - công ty con và các công ty con với nhau.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con..

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN***Tài sản cố định vô hình***

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm

05 năm

Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

4.6. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Nguyên tắc xác định giá trị của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí quảng cáo, chi phí đồng phục, chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí duy trì và phát triển nhãn hiệu và các chi phí phải trả khác. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty và theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (iv) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay, chi phí cho hoạt động đầu tư phát sinh trong kỳ kế toán. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.13. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á, Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam và Công ty Cổ phần Cầu Đuống Việt Nam phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 17% trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm kể từ năm 2019.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B09a-DN/HN

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

4.17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

| 5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 11.113.627.754 | 3.682.947.590 |
| Tiền gửi ngân hàng | 60.898.092.847 | 68.881.730.617 |
| Cộng | 72.011.720.601 | 72.564.678.207 |

| 5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| a) Phải thu khách hàng ngắn hạn | 58.544.287.736 | 59.817.866.614 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 58.544.287.736 | 59.817.866.614 |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | - | - |

| 5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|-----------------------|----------------------|
| a) Trả trước cho người bán ngắn hạn | 35.042.356.267 | 4.558.607.706 |
| - Oliver Y Battle S.A.U | 216.974.657 | 216.974.657 |
| - Công ty TNHH Sản xuất SKD Việt Nam | 2.480.530.000 | 2.480.530.000 |
| - Công ty TNHH Solid Tech | 11.270.023.098 | 210.593.098 |
| - Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera | 19.575.000.000 | - |
| - Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác | 1.499.828.512 | 1.650.509.951 |
| b) Trả trước cho người bán dài hạn | - | - |
| c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan | - | - |

| 5.4 . PHẢI THU KHÁC | 30/06/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 51.493.734.368 | - | 13.134.636.798 | - |
| - Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (i) | 31.258.031.829 | - | 638.031.829 | - |
| - Tạm ứng | 18.332.531.821 | - | 11.895.962.487 | - |
| - Phải thu khác | 1.832.146.155 | - | 539.836.125 | - |
| - Phải trả khác (dư nợ) | 71.024.563 | - | 60.806.357 | - |
| b) Dài hạn | - | - | - | - |
| c) Phải thu khác là các bên liên quan | - | - | - | - |

(i) Đặt cọc cho ông Hữu Minh Tuấn mua bất động sản tại dự án Khu số 2 thuộc Khu đô thị phía đông, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang theo hợp đồng đặt cọc số 01/2022/HĐĐC-HSDA ngày 07/04/2022. Số còn lại là khoản cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ của các đối tượng khác.

5.5 . HÀNG TỒN KHO

| | 30/06/2022 | | 01/01/2022 | |
|----------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu | 55.673.465.228 | - | 29.503.993.500 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 2.272.529.983 | - | 2.278.630.461 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 10.775.676.467 | - | 5.749.397.845 | - |
| Thành phẩm nhập kho | 30.853.831.682 | - | 15.853.428.875 | - |
| Hàng hóa | 7.932.990.736 | - | 5.055.947.894 | - |
| Cộng | 107.508.494.096 | - | 58.441.398.575 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

+ Xây dựng, sửa chữa văn phòng, nhà máy

+ Dây chuyền máy móc sản xuất sơn

Cộng

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | - | - |
| | 78.378.907.041 | 76.032.440.031 |
| | 43.758.212.358 | 42.677.041.354 |
| | 34.620.694.683 | 33.355.398.677 |
| | 78.378.907.041 | 76.032.440.031 |

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Ngắn hạn**

- Chi phí quảng cáo

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

- Chi phí trả trước ngắn hạn khác

b) Dài hạn

- Chi phí quảng cáo

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

- Chi phí li xăng nhãn hiệu hàng hóa

- Chi phí dài hạn khác

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| | 9.941.697.933 | 4.094.164.874 |
| | 6.898.494.107 | 2.281.987.270 |
| | 1.331.331.817 | 176.877.604 |
| | 1.711.872.009 | 1.635.300.000 |
| | 3.728.209.897 | 2.225.223.343 |
| | 1.766.199.196 | 279.211.926 |
| | 205.013.075 | 188.766.163 |
| | 1.500.000.000 | 1.636.363.636 |
| | 256.997.626 | 120.881.618 |

5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh****b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****Ngắn hạn****Cộng****Dài hạn**

- Tiền gửi tại Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam (1)

- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)

Cộng

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|----------------------|----------------------|
| | - | - |
| | 2.400.000.000 | 2.000.000.000 |
| | - | - |
| | - | - |
| | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |
| | 400.000.000 | 400.000.000 |
| | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| | 2.400.000.000 | 2.400.000.000 |

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/HĐTG/BC-VLC ngày 31/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam ký với Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền 400 triệu đồng, kỳ hạn 54 tháng, lãi suất thả nổi, lãi trả cuối kỳ;

(2) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành năm 2020, số lượng 20.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 8 năm, năm đáo hạn 2028, lãi suất trái phiếu là lãi suất tham chiếu +0,9%/năm. Toàn bộ trái phiếu đã được cầm cố cho các khoản vay của Công ty.

5.9 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**a) Ngắn hạn****b) Dài hạn****Giá trị lợi thế thương mại đầu năm** 20.510.762.831

Lợi thế thương mại tăng trong kỳ

Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp

Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ 1.281.922.677

Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ kế toán 19.228.840.154**Cộng****19.228.840.154**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5.10 . NỢ XẤU

Đơn vị: VND

Mẫu số B 09a-DN/HN

| | 30/06/2022 | | 01/01/2022 | | Dự phòng |
|---|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | | | | | |
| Công ty Cổ phần Á Châu G8 | 192.880.615 | - | 192.880.615 | - | (192.880.615) |
| Công ty TNHH Phương Đông | 31.631.516 | - | 31.631.516 | - | (31.631.516) |
| Công ty TNHH MTV TM Sơn Hiến | 102.599.197 | - | 102.599.197 | - | (102.599.197) |
| Công ty TNHH TM An Dương | 48.966.375 | - | 48.966.375 | - | (48.966.375) |
| Doanh nghiệp Minh Châu | 41.393.406 | - | 41.393.406 | - | (41.393.406) |
| Công ty TNHH XD & TMDV Hưng Việt | 186.296.132 | - | 186.296.132 | - | (186.296.132) |
| Công ty TNHH XD & TMĐT Đại Phú Gia | 99.476.541 | - | 99.476.541 | - | (99.476.541) |
| Công ty Cổ phần Đầu tư TM Huy Phát | 30.396.555 | - | 30.396.555 | - | (30.396.555) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải số 6 | 22.396.342 | - | 22.396.342 | - | (22.396.342) |
| Công ty TNHH Thanh Phương | 28.259.444 | - | 28.259.444 | - | (28.259.444) |
| Công ty TNHH XD Vận tải Hải Nam | 29.252.869 | - | 29.252.869 | - | (29.252.869) |
| Công ty TNHH Xây dựng Phú Yên | 68.156.611 | - | 68.156.611 | - | (68.156.611) |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Kinl | 179.478.333 | 89.739.167 | 179.478.333 | 89.739.167 | (89.739.166) |
| Nhà phân phối Châu Ái | 31.561.658 | 15.780.829 | 31.561.658 | 15.780.829 | (15.780.829) |
| Nhà phân phối Dương Việt Dũng | 74.973.795 | 37.486.897 | 74.973.795 | 37.486.897 | (37.486.898) |
| Nhà phân phối Mạnh Dũng | 37.013.327 | 18.506.663 | 37.013.327 | 18.506.663 | (18.506.664) |
| Nhà phân phối Phúc Hưng | 59.790.270 | 29.895.135 | 59.790.270 | 29.895.135 | (29.895.135) |
| Nhà phân phối sơn Viglacera | 68.749.775 | 34.374.888 | 68.749.775 | 34.374.888 | (34.374.887) |
| Tuyết Huân | 51.268.960 | 25.634.480 | 51.268.960 | 25.634.480 | (25.634.480) |
| Xí nghiệp Xây dựng 4 - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng VIG | 162.049.631 | 81.024.816 | 162.049.631 | 81.024.816 | (81.024.815) |
| Đại lý Hàng Cường | 36.997.153 | 18.498.576 | 36.997.153 | 18.498.576 | (18.498.577) |
| Các công ty khác | 5.701.363.158 | 1.744.570.274 | 5.701.363.158 | 1.744.570.274 | (3.956.792.884) |
| Cộng | 7.284.951.663 | 2.095.511.725 | 7.284.951.663 | 2.095.511.725 | (5.189.439.938) |

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.11 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | TSCĐ khác | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------|---------------------|--------------------------|------------|-----------------|
| I. Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 27.914.520.494 | 63.375.591.256 | 63.157.792.649 | 826.420.002 | 31.700.000 | 155.306.024.401 |
| Tăng trong kỳ | - | 523.089.250 | 1.030.110.519 | 140.378.000 | - | 1.693.577.769 |
| - Mua trong kỳ | - | 523.089.250 | 1.030.110.519 | 140.378.000 | - | 1.693.577.769 |
| - Tặng khác | - | - | - | - | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | (6.218.167.091) | - | - | (6.218.167.091) |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (6.218.167.091) | - | - | (6.218.167.091) |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 27.914.520.494 | 63.898.680.506 | 57.969.736.077 | 966.798.002 | 31.700.000 | 150.781.435.079 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.052.830.660 | 41.221.741.489 | 31.325.023.223 | 330.470.045 | 31.700.000 | 79.961.765.417 |
| Tăng trong kỳ | 417.722.254 | 4.712.894.571 | 4.439.716.100 | 91.155.960 | - | 9.667.758.885 |
| - Số khấu hao trong kỳ | 417.722.254 | 4.712.894.571 | 4.439.716.100 | 91.155.960 | 6.270.000 | 9.667.758.885 |
| Giảm trong kỳ | - | - | (3.155.748.463) | - | - | (3.155.748.463) |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (3.155.748.463) | - | - | (3.155.748.463) |
| Số dư cuối kỳ | 7.470.552.914 | 45.934.636.060 | 32.608.990.860 | 421.626.005 | 31.700.000 | 86.473.775.839 |
| III. Giá trị còn lại | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 20.861.689.834 | 22.153.849.767 | 31.832.769.426 | 495.949.957 | - | 75.344.258.984 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | 20.443.967.580 | 17.964.044.446 | 25.360.745.217 | 545.171.997 | - | 64.307.659.240 |

• Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 30/06/2022 hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

47.076.102.103 VND

29.810.934.185 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Phần mềm kế toán, thiết kế | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-------------------|----------------------------|---------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 6.725.114.300 | 40.212.000 | 6.765.326.300 |
| Số dư cuối kỳ | 6.725.114.300 | 40.212.000 | 6.765.326.300 |
| II. Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 706.137.012 | 40.212.000 | 746.349.012 |
| Tăng trong kỳ | 67.251.144 | - | 67.251.144 |
| - Số khấu hao trong kỳ | 67.251.144 | - | 67.251.144 |
| Số dư cuối kỳ | 773.388.156 | 40.212.000 | 813.600.156 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 6.018.977.288 | - | 6.018.977.288 |
| 2. Tại ngày cuối kỳ | 5.951.726.144 | - | 5.951.726.144 |

• Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 30/06/2022 đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.951.726.144 VND

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2022 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.212.000 VND

5.13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 30/06/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn | 56.509.302.285 | 56.509.302.285 | 42.585.713.960 | 42.585.713.960 |
| - Công ty TNHH Thương mại và Hóa chất HD | - | - | 1.356.600.000 | 1.356.600.000 |
| - Công ty TNHH Sản xuất TM Ngọc Sơn Hà Nội | 7.287.038.430 | 7.287.038.430 | 4.807.939.840 | 4.807.939.840 |
| - Công ty TNHH MTV Bao Bì & Thương mại Quang Huy | 2.874.287.700 | 2.874.287.700 | 2.421.622.950 | 2.421.622.950 |
| - Công ty TNHH Hóa chất Minh Hóa | 2.411.083.567 | 2.411.083.567 | 1.778.696.347 | 1.778.696.347 |
| - Công ty TNHH Thái Sơn G.M | 8.470.863.134 | 8.470.863.134 | 2.823.524.262 | 2.823.524.262 |
| - Công ty Cổ Phần Kemic | 3.738.095.200 | 3.738.095.200 | 3.081.021.200 | 3.081.021.200 |
| - Tổng Công ty Viglacera - CTCP | 1.603.841.532 | 1.603.841.532 | 1.891.770.971 | 1.891.770.971 |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ TTK | 4.778.517.460 | 4.778.517.460 | 1.794.013.660 | 1.794.013.660 |
| - Phải trả cho các đối tượng khác | 25.345.575.262 | 25.345.575.262 | 22.630.524.730 | 22.630.524.730 |
| b) Các khoản phải trả người bán dài hạn | - | - | - | - |
| c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán | 103.699.621 | 103.699.621 | 103.699.621 | 103.699.621 |
| - Công ty TNHH TM Quảng Ngà | 27.629.620 | 27.629.620 | 27.629.620 | 27.629.620 |
| - Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát | 38.000.000 | 38.000.000 | 38.000.000 | 38.000.000 |
| - Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến | 38.070.001 | 38.070.001 | 38.070.001 | 38.070.001 |
| d) Phải trả người bán là các bên liên quan | - | - | - | - |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

| | 30/06/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 4.143.737.426 | 4.143.737.426 | 2.888.320.978 | 2.888.320.978 |
| - Đối tượng khác | 4.143.737.426 | 4.143.737.426 | 2.888.320.978 | 2.888.320.978 |
| b) Người mua trả tiền trước dài hạn | - | - | - | - |

5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2022 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp, bù trừ trong kỳ | 30/06/2022 |
|--|--------------------|----------------------|----------------------------|-----------------------|
| | a) Phải nộp | 9.320.803.694 | 20.298.767.049 | 26.432.067.332 |
| - Thuế GTGT | 3.865.219.912 | 17.161.925.386 | 19.037.791.410 | 1.989.353.888 |
| - Thuế TNDN | 4.800.128.469 | 2.051.652.432 | 5.779.585.138 | 1.072.195.763 |
| - Thuế TNCN | 627.366.674 | 655.268.015 | 1.170.449.320 | 112.185.369 |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 28.088.639 | 429.921.216 | 444.241.464 | 13.768.391 |

| | 01/01/2022 | Số phải thu trong kỳ | Số đã thu trong kỳ | 30/06/2022 |
|-------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------|
| | b) Phải thu | 8.000.000 | 123.904.871 | - |
| - Thuế GTGT | 4.000.000 | 20.756.798 | - | 24.756.798 |
| - Thuế TNDN | 4.000.000 | - | - | 4.000.000 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 103.148.073 | - | 103.148.073 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| | a) Ngắn hạn | 515.000.000 |
| - Trích trước chi phí kiểm toán | 95.000.000 | 190.000.000 |
| - Các khoản trích trước khác | 420.000.000 | 504.475.822 |
| b) Dài hạn | - | - |

5.17 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|--|--------------------|-----------------------|
| | a) Ngắn hạn | 21.351.195.114 |
| - Kinh phí công đoàn | 540.716.391 | 507.989.349 |
| - Bảo hiểm xã hội | 315.448.195 | 202.068.723 |
| - Phải trả, phải nộp khác | 16.954.974.598 | 10.993.627.494 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược | 3.540.055.930 | 3.494.555.300 |
| b) Dài hạn | 720.430.120 | 720.430.120 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 720.430.120 | 720.430.120 |
| - Phải trả, phải nộp khác | - | - |
| c) Phải trả khác là các bên liên quan | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

| | Trong kỳ | | | | Số có khả năng trả nợ |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 30/06/2022 | Tăng | Giảm | Giá trị | |
| a) Vay ngắn hạn và vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả | 75.613.947.491 | 107.268.499.712 | 102.618.532.466 | 70.963.980.245 | 70.963.980.245 |
| Vay ngắn hạn ngắn hạn | 65.811.177.007 | 101.859.375.068 | 98.372.862.136 | 62.324.664.075 | 62.324.664.075 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (1) | 15.292.459.276 | 17.876.226.376 | 18.560.507.148 | 15.976.740.048 | 15.976.740.048 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng (2) | 13.375.519.972 | 23.676.997.497 | 23.596.757.799 | 13.295.280.274 | 13.295.280.274 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (3) | 23.922.674.499 | 47.991.727.935 | 56.215.597.189 | 32.146.543.753 | 32.146.543.753 |
| - Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (4) | 9.293.531.521 | 9.293.531.521 | - | - | - |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (5) | 3.020.891.739 | 3.020.891.739 | - | - | - |
| - Ngân hàng Chính sách Xã hội - huyện Gia Lâm (6) | 906.100.000 | - | - | 906.100.000 | 906.100.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 4.294.278.484 | 1.126.150.644 | 3.020.152.330 | 6.188.280.170 | 6.188.280.170 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (7) | 167.000.000 | 77.000.000 | 90.000.000 | 180.000.000 | 180.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội (8) | 3.011.274.840 | 186.084.000 | 2.759.554.330 | 5.584.745.170 | 5.584.745.170 |
| - Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội (9) | 764.566.644 | 764.566.644 | - | - | - |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Long An (10) | 132.337.000 | - | 49.998.000 | 182.335.000 | 182.335.000 |
| - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Long An (11) | 219.100.000 | 98.500.000 | 120.600.000 | 241.200.000 | 241.200.000 |
| Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả | 5.508.492.000 | 4.282.974.000 | 1.225.518.000 | 2.451.036.000 | 2.451.036.000 |
| - Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (12) | 5.508.492.000 | 4.282.974.000 | 1.225.518.000 | 2.451.036.000 | 2.451.036.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

5.18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/4729252/HĐTD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ngày 20/06/2021, hạn mức cho vay 30 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là ô tô Toyota Innova 2.0E BKS 29A-871.21, ô tô Hyundai I10 BKS 30A.627.39 và các quyền sử dụng đất, căn hộ của bên thứ 3, cổ phiếu của bên thứ 3.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục bổ sung hợp đồng tín dụng ký ngày 19/03/2021 và phụ lục ngày 15/06/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 13,5 tỷ đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội bao gồm các hợp đồng:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 260-03/2021-HDCV/NHCT131-SDA ngày 06 tháng 08 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức là 25 tỷ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm. Tài sản thế chấp là 1 xe Lexus, toàn bộ 60 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 và đáo hạn năm 2026, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-610.26, 1 xe ô tô Ford BKS 29C-383.46, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29C-608.49, 1 xe Mazda BKS 30E-063.63, 1 xe ô tô Kia BKS 30E- 492.90, 1 xe ô tô Hyundai BKS 30F-372.89, 1 xe Hyundai BKS 30F-547.96, 1 xe Hyundai BKS 30F-708, 1 xe Hyundai BKS 30F-191.98, 1 xe Hyundai BKS 30F192-48, 1 xe ô tô Nissan BKS 29H-141.11, 1 xe ô tô tải Pick up BKS 29H-216.07, 1 xe ô tô Nissan BKS 29C-799.21, 1 xe ô tô tải Ford BKS 29C-790.49, 1 xe ô tô tải Hyundai BKS 30F-527.55, các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty cùng các máy móc thiết bị pha chế sơn và nhiều bất động sản của bên thứ 3.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 259-03/2021-HĐCVHM/NHCT131-BCSG ngày 04 tháng 08 năm 2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 10 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 05/08/2021 đến 05/08/2022, thời hạn cho vay theo từng khoản nợ nhưng không quá 6 tháng, lãi suất quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp bất động sản số 80/2017/HĐTC/NHCT131-SDASG ngày 09/05/2017 giữa Công ty Bewin & Coating SG và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Đông.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 258-03/2021-HĐCVHM/NHCT131-BCVN ngày 04/08/2021 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, hạn mức cho vay 5.000.000.000 VND, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời gian vay không quá 3 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sơn, bột bả, chất chống thấm, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Quốc Quyền (vợ là bà Nguyễn Thị Thúy Nga).

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 41747.21.059.1978415.TD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa ngày 08/08/2021. Hạn mức tín dụng 1: 15 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay là 15 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 2,5 tỷ đồng, hạn mức phát hành L/C (không gồm LC xuất khẩu) là 5 tỷ đồng; Hạn mức tín dụng 2: 30 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán là 5 tỷ đồng, hạn mức phát hành L/C (không gồm LC xuất khẩu) là 10 tỷ đồng. Tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng này hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi Công ty có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của hạn mức tín dụng 1 có đề nghị gửi cho ngân hàng và được ngân hàng chấp thuận. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 19/07/2022, thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức không vượt quá 9 tháng. Tài sản đảm bảo là 4 xe ô tô Hyundai BKS 30F-134.12, 30F-136.49, 30F-165.53, 30F-372.89 và 3 xe ô tô Toyota BKS 30F-194.34, 30F-195.05, 30F-244.36 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á; 2 xe ô tô Hyundai số 30F-682.15 và 30F-682.28 của Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam.

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 32/22/CTD/VCBCD-SDA giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 08/06/2022, giới hạn cấp tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 08/06/2023, lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 25/6 Liên khu 7-13, khu phố 7, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Quốc Quyền, bà Nguyễn Thị Thúy Nga; quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 05 nhà C2 TT viện sốt rét - KST - CTTrung ương, phường Trung Vãn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của ông TRẦN Xuân Thọ, bà Nguyễn Thị Ngọc Minh; 1.214.000 cổ phiếu HDA của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á của bà Lê Như Ngọc, ông Nguyễn Văn Sơn; Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh đang trên đường vận chuyển hoặc được để tại kho của Công ty tại số 59 Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội và/hoặc tại khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

(6) Vay ngắn hạn Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Gia Lâm bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 20042.20059.1978415.TD ngày 25/05/2020 và phụ lục hợp đồng ký ngày 21 tháng 04 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa, hạn mức tín dụng 1 là 16,5 tỷ đồng, hạn mức tín dụng 2 là 33 tỷ đồng, mục đích vay sử dụng cho việc sản xuất kinh doanh sơn giai đoạn 2020-2021, lãi suất thả nổi, thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 21/06/2021, tài sản đảm bảo là các tài sản được hình thành bằng vốn vay, các tài sản ký quỹ, sổ tiết kiệm mở tại ngân hàng quân đội, giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành...

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4729252/HĐTD ngày 01/06/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, hạn mức vay 542 triệu đồng, mục đích vay mua 01 xe ô tô Huyndai Tucson 2.0AT bản đặc biệt máy xăng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất đến 30/06/2020 là 10,5%/năm, từ 01/07/2020 lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản thế chấp là xe Huyndai hình thành từ khoản vay.

(8) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 193-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 09 tháng 05 năm 2019, hạn mức 392.000.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua sắm 01 xe ô tô mới 100%, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 420-03/2019-HĐCVDADDT/NHCT131-SDA ngày 29 tháng 07 năm 2019, hạn mức 422.500.000 đồng, mục đích thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 29H-216.07, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 175-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCSG ngày 28 tháng 05 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội tổng hạn mức 822.500.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, số loại Santafe phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 174-03/2021-HĐBĐ/NHCT131-BCSG ngày 28/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 229-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28 tháng 05 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 840.000.000 đồng, thời hạn 48 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để mua sắm 1 xe ô tô 7 chỗ Hyundai phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 228-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/05/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 276-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu Ford Ecosport mới 100% màu sơn trắng phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 275-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 284-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 06 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 505.050.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 283-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/06/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 360-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 11 tháng 07 năm 2019, tổng hạn mức 660.450.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 358-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 378-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 18 tháng 07 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép hiệu Ford Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 370-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 17/07/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 464-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 07 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 469.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu Hyundai số loại Kona phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 463-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 07/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 507-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 16 tháng 08 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép 05 chỗ ngồi hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 498-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 15/08/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 621-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 19 tháng 09 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 459.200.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu Hyundai số loại Elantra phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 620-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/09/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 683-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 596.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi hiệu HYUNDAI số loại TUCSON TL 3-2.0NU 6AT FL phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 678-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 750-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 385.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA số loại VIOS G phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 746-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 781-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 558.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pickup cabin kép nhãn hiệu Ford số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 780-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 30/10/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 803-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 595.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai số loại Tucson màu đỏ phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 802-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 08/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 811-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 295.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con 05 chỗ hiệu Hyundai số loại Accent 1.4MT BASE phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 810-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 12/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 836-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 631.400.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai số loại TUCSON phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 835-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 20/11/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 892-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội, tổng hạn mức 1.006.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 02 xe ô tô con nhãn hiệu FORD số loại RANGER phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 891-03/2019-HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 02/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 992-03/2019-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 27 tháng 12 năm 2019, tổng hạn mức 429.800.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu KIA số loại CERATO phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 991-03/2019/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 27/12/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 69-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 14 tháng 02 năm 2020, tổng hạn mức 448.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 63-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 13/02/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 105-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 03 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 453.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Hyundai, số loại Elantra phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 105-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 147-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 24 tháng 03 năm 2020, tổng hạn mức 209.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia, số loại Morning phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 146-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 23/03/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 177-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 08 tháng 04 năm 2020, tổng hạn mức 419.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 460-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 10 tháng 07 năm 2020, tổng hạn mức 441.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Xpander phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 452-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 09/07/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 553-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 12 tháng 08 năm 2020, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 552-03/2020/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 11/08/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 826-03/2020-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 17 tháng 11 năm 2020, tổng hạn mức 503.300.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Kia Seltos phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 37-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 03 tháng 02 năm 2021, tổng hạn mức 114.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Vios phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 36-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 03/02/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 53-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 19 tháng 02 năm 2021, tổng hạn mức 184.500.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Mitsubishi, số loại Triton GLX phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 52-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 19/02/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 71-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 10 tháng 03 năm 2021, tổng hạn mức 204.600.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Toyota, số loại HILUX phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 70-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 10/03/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 144-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 28 tháng 04 năm 2021, tổng hạn mức 290.150.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA, số loại Frontier phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 143-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 28/04/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 167-03/2021-HĐCVDADT/NHCT131-BCVN ngày 24 tháng 05 năm 2021, tổng hạn mức 455.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Pick up cabin kép nhãn hiệu Ford, số loại Ranger phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô dùng tiền vay để đầu tư được quy định trên Hợp đồng thế chấp tài sản số 166-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-BCVN ngày 24/05/2021 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Hà Nội.

(9) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội bao gồm những thỏa thuận cấp tín dụng sau:

- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000064/21 ngày 14/05/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 750.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Hyundai Santafe Premium của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 30G - 989.60
- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000073/21 ngày 14/05/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 750.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Hyundai Sanafe TM4 của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô biển kiểm soát 30H - 032.79
- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000035/21 ngày 10/03/2021 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 370.000.000 VND, lãi vay 7,5%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô PEUGEOT 2008 ACTIVE của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô PEUGEOT 2008 ACTIVE hình thành từ khoản vay.
- Thỏa thuận cấp tín dụng số HAN/000013/22 ngày 21/01/2022 ký với Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - CN Hà Nội, hạn mức vay tối đa 425.000.000 VND, lãi vay 9%/năm một năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm sau sẽ được điều chỉnh, thời hạn khoản vay là 36 tháng, mục đích vay để tài trợ một phần cho việc mua xe ô tô Mitsubishi Triton 4x2 AT của Công ty, tài sản đảm bảo là xe ô tô BKS 43C-259.91.

(10) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số LD1936200260 ngày 30/12/2019 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 686.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty.
- Hợp đồng tín dụng số LD2008100086 ngày 23/03/2020 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An, số tiền vay 300.000.000 VND, thời hạn vay 03 năm, lãi suất vay 11% trong 03 tháng đầu tiên từ các tháng tiếp theo là lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ, mục đích vay mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, tài sản đảm bảo là xe ô tô con thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

(11) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Long An bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số LAN/20055 ngày 06/05/2020 giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - CN Long An, số tiền 721.600.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất vay 10,8%/năm trong 03 tháng đầu tiên, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần, mục đích vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô Mazda số loại CX-5 20G, tài sản đảm bảo là xe ô tô Mazda CX-5 thuộc sở hữu của Công ty.

(12) Vay dài hạn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.013/2020/TSC-CTTC ngày 03/03/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền thuê tạm tính là 14.459.060.841 VND tương đương với 471.815 EUR, lãi suất 9%/năm cho 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, mục đích thuê để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính, hợp đồng được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á theo Công văn số 01.0301/2020.BL-HDA ngày 03/01/2020 do Công ty Hãng sơn Đông Á phát hành. Hiện tại, dây truyền máy móc sản xuất sơn thuê tài chính đang trong quá trình lắp đặt.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.086/2020/TSC-CTTC ngày 23/09/2020 ký giữa Công ty và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, số tiền thuê tạm tính là 16.500.000.000 VND, lãi suất 8,5%/năm cho 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, mục đích thuê để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính, hợp đồng được bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á theo công văn số 01.0301/2020.BL-HDA ngày 03/01/2020 do Công ty Hãng sơn Đông Á phát hành. Hiện tại, dây truyền máy móc sản xuất sơn thuê tài chính đang trong quá trình lắp đặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng Cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 115.000.000.000 | (68.454.545) | 62.876.752.824 | 15.601.506.882 | 10.366.687.433 | 203.776.492.594 |
| Tăng vốn năm trước | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 2.449.512.174 | 26.021.372.158 | 28.470.884.332 |
| Tăng khác | - | - | - | - | 461.791.044 | 461.791.044 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 4.305.686.810 | - | - | 4.305.686.810 |
| Giảm khác | - | - | - | (2.876.321.570) | (10.366.687.433) | (13.243.009.003) |
| - <i>Phân phối lợi nhuận</i> | - | - | - | (2.876.321.570) | (10.366.687.433) | (13.243.009.003) |
| Số dư cuối năm trước | 115.000.000.000 | (68.454.545) | 67.182.439.634 | 15.174.697.486 | 26.483.163.202 | 223.771.845.777 |
| Tăng vốn trong kỳ này (*) | 115.000.000.000 | - | - | - | - | 115.000.000.000 |
| Lãi trong kỳ này | - | - | - | 486.018.326 | 4.055.573.327 | 4.541.591.653 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 11.623.836.674 | - | - | 11.623.836.674 |
| Giảm khác | - | (207.000.000) | - | (538.173.267) | (26.483.163.202) | (27.228.336.469) |
| - <i>Phân phối lợi nhuận (**)</i> | - | - | - | (538.173.267) | (26.483.163.202) | (27.021.336.469) |
| Số dư cuối kỳ | 230.000.000.000 | (275.454.545) | 78.806.276.308 | 15.122.542.545 | 4.055.573.327 | 327.708.937.635 |

(*) Trong kỳ, Công ty tăng vốn theo Nghị quyết số 02/2019/HĐA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/09/2021.

(**) Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/INQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022. Chi tiết như sau:

| | |
|--|-----------------------|
| - Chia cổ tức năm 2021 | 13.800.000.000 |
| - Chi trả thù lao HĐQT và Thư ký Công ty | 1.059.326.528 |
| - Trích lập quỹ đầu tư phát triển | 11.623.836.674 |
| Tổng | 26.483.163.202 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

| b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu | Tỷ lệ vốn góp tại ngày 30/06/2022 | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
|---|--|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Bà Lê Như Ngọc | 14,15% | 32.549.000.000 | 12.140.000.000 |
| Ông Mai Anh Tám | 8,35% | 19.206.270.000 | 9.603.270.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Quyền | 3,60% | 8.269.000.000 | 8.269.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 73,90% | 169.975.730.000 | 84.987.730.000 |
| Cộng | 100% | 230.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận | | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | | |
| - Vốn góp đầu năm | | 115.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ | | 115.000.000.000 | - |
| - Vốn góp giảm trong kỳ | | - | - |
| - Vốn góp cuối kỳ | | 230.000.000.000 | 115.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | 26.483.163.202 | 10.366.687.433 |
| d) Cổ phiếu | | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | | 23.000.000 | 11.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | 23.000.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | | 23.000.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | 23.000.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | | 23.000.000 | 11.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | | 10.000 đồng | 10.000 đồng |
| e) Các quỹ của doanh nghiệp | | 30/06/2022 | 01/01/2022 |
| - Quỹ đầu tư phát triển | | 78.806.276.308 | 67.182.439.634 |

f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.20 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| 6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ | | |
| a) Doanh thu | 151.475.853.477 | 188.491.099.072 |
| - Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn | 138.001.924.835 | 162.928.398.866 |
| - Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | 9.163.895.298 | 16.524.484.694 |
| - Doanh thu khác | 4.310.033.344 | 9.038.215.512 |
| b) Doanh thu đối với các bên liên quan | - | - |
| 6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU | | |
| - Chiết khấu thương mại | 36.261.524.193 | 49.846.704.752 |
| - Hàng bán bị trả lại | 1.468.661.028 | 372.112.989 |
| Cộng | 37.730.185.221 | 50.218.817.741 |
| 6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN | | |
| Giá vốn của hàng đã bán | 62.891.805.916 | 77.241.976.275 |
| - Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn | 56.802.227.071 | 65.144.227.080 |
| - Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | 4.128.004.932 | 7.281.383.858 |
| - Giá vốn khác | 1.961.573.914 | 4.816.365.337 |
| 6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| - Lãi tiền gửi, cho vay | 24.983.042 | 29.799.039 |
| Cộng | 24.983.042 | 29.799.039 |
| 6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | |
| - Lãi tiền vay | 2.491.185.699 | 2.280.836.331 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá | - | 2.494.311 |
| Cộng | 2.491.185.699 | 2.283.330.642 |
| 6.6 . THU NHẬP KHÁC | | |
| - Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản | - | 815.137 |
| + Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ | - | 664.184.863 |
| + Giá trị còn lại của TSCĐ | - | 665.000.000 |
| - Thu nhập khác | 399.645.000 | 25.126.339 |
| Cộng | 399.645.000 | 25.941.476 |
| 6.7 . CHI PHÍ KHÁC | | |
| - Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản | 199.418.628 | 5.301.616 |
| + Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ | 2.863.000.000 | 559.574.784 |
| + Giá trị còn lại của TSCĐ | 3.062.418.628 | 564.876.400 |
| - Các khoản khác | 65.419.172 | 266.145.157 |
| Cộng | 264.837.800 | 271.446.773 |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ | 10.537.764.122 | 10.384.662.409 |
| Chi phí nhân công quản lý | 5.853.732.705 | 5.463.717.766 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.125.388.345 | 1.195.501.948 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 1.281.922.677 | 1.281.922.677 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 2.276.720.395 | 2.443.520.018 |
| b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ | 31.046.328.025 | 33.608.131.997 |
| Chi phí nhân viên | 9.029.289.877 | 9.029.648.012 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.014.982.846 | 12.002.892.016 |
| Chi phí quảng cáo | 3.449.757.194 | 5.711.103.084 |
| Chi phí bán hàng khác | 10.552.298.108 | 6.864.488.885 |

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 98.761.843.359 | 96.486.925.594 |
| Chi phí nhân công | 18.559.455.536 | 18.409.255.297 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.735.010.024 | 10.208.280.329 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.881.379.908 | 6.784.460.803 |
| Chi phí bằng tiền khác | 12.208.292.680 | 9.936.092.672 |
| Cộng | 142.145.981.507 | 141.825.014.695 |

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á | 691.139.822 | 1.294.554.436 |
| - Công ty Cổ phần Bewin&Coating SG | 176.051.242 | 268.926.309 |
| - Công ty Cổ phần Bewin&Coating Vietnam | 850.168.599 | 1.198.601.001 |
| Thuế TNDN hiện hành | 1.717.359.663 | 2.762.081.746 |

6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế | 679.423.420 | 586.990.809 |
| Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại | 679.423.420 | 586.990.809 |

6.12 LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty | 4.055.573.327 | 10.209.598.562 |
| Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi | | |
| Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu | | |
| Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 17.250.000 | 11.500.000 |
| Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu | 235 | 888 |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính | - | 7.425.000.000 |

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

| 3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| - Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 102.284.375.068 | 113.559.646.392 |

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

| | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| - Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 101.751.686.678 | 104.981.437.043 |

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022**CHỈ TIÊU**

| | Sản xuất và kinh doanh sơn | Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | Sản xuất kinh doanh khác | TỔNG CỘNG |
|--|----------------------------|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu | 138.001.924.835 | 9.163.895.298 | 4.310.033.344 | 151.475.853.477 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 37.730.185.221 | | | 37.730.185.221 |
| Giá vốn hàng bán | 56.802.227.071 | 4.128.004.932 | 1.961.573.914 | 62.891.805.916 |
| Lợi nhuận gộp | 43.469.512.543 | 5.035.890.366 | 2.348.459.430 | 50.853.862.340 |
| Tổng tài sản | | | | 506.454.877.016 |
| Nợ phải trả | | | | 178.745.939.381 |
| Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác) | | | | 4.040.044.779 |
| Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | 10.202.802.680 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn | | | | |

Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021**CHỈ TIÊU**

| | Sản xuất và kinh doanh sơn | Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm | Sản xuất kinh doanh khác | TỔNG CỘNG |
|--|----------------------------|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Doanh thu | 162.928.398.866 | 16.524.484.694 | 9.038.215.512 | 188.491.099.072 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 46.662.231.598 | 3.552.368.603 | 4.217.540 | 50.218.817.741 |
| Giá vốn hàng bán | 65.144.227.080 | 7.281.383.858 | 4.816.365.337 | 77.241.976.275 |
| Lợi nhuận gộp | 51.121.940.188 | 5.690.732.233 | 4.217.632.635 | 61.030.305.056 |
| Tổng tài sản | | | | 390.492.915.173 |
| Nợ phải trả | | | | 182.498.000.198 |
| Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các TS dài hạn khác) | | | | 18.260.231.552 |
| Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | 15.945.157.732 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn | | | | |

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu số B 09a-DN/HN

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

| CHỈ TIÊU | Miền Bắc | Miền Trung | Miền Nam | TỔNG CỘNG |
|------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu | 86.602.707.093 | 24.383.435.206 | 40.489.711.178 | 151.475.853.477 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 23.792.874.082 | 4.326.844.932 | 9.610.466.207 | 37.730.185.221 |
| Giá vốn hàng bán | 26.970.695.388 | 17.274.121.574 | 18.646.988.954 | 62.891.805.916 |
| Lợi nhuận gộp | 35.839.137.623 | 2.782.468.700 | 12.232.256.017 | 50.853.862.340 |

Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021

| CHỈ TIÊU | Miền Bắc | Miền Trung | Miền Nam | TỔNG CỘNG |
|------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu | 125.164.594.050 | 27.463.793.821 | 35.862.711.201 | 188.491.099.072 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 42.655.085.888 | - | 7.563.731.853 | 50.218.817.741 |
| Giá vốn hàng bán | 40.731.696.717 | 20.966.571.383 | 15.543.708.175 | 77.241.976.275 |
| Lợi nhuận gộp | 41.777.811.445 | 6.497.222.438 | 12.755.271.173 | 61.030.305.056 |

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong kỳ cần được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 59 đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh giao dịch với các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 | Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 |
|-----------------------|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Sơn | Tổng Giám đốc | 413.942.499 | 427.800.000 |
| Ông Nguyễn Quốc Quyền | Phó Tổng giám đốc Công ty mẹ kiêm Lãnh đạo các Công ty con | 209.180.837 | 212.000.000 |
| Ông Trần Khắc Thanh | Giám đốc (Công ty con) | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Cao Khắc Hải | Phó Giám đốc chi nhánh Công ty mẹ | 180.000.000 | - |
| Ông Đỗ Trần Mai | Thành viên HĐQT | 30.000.000 | 20.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên HĐQT | 30.000.000 | 20.000.000 |
| Bà An Hà My | Thành viên HĐQT | 30.000.000 | 20.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thanh Nam | Trưởng Ban kiểm soát | 172.800.000 | 65.066.667 |
| Ông Hoàng Trung Kiên | Thành viên Ban kiểm soát | - | 189.000.000 |
| Bà Lê Thị Thoa | | - | 213.000.000 |
| Tổng cộng | | 1.185.923.336 | 1.286.866.667 |

8.7 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

8.9 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn